TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2026/DS-ST
Ngày: 15-7-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoà Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nguyên. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 199/2026/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2026/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Buôn K, xã T, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trịnh Thanh B, sinh năm 1988; bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: 133/7 Nơ Trang L, thôn Phước An 6, xã K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh H trình bày:

Vào ngày 28/5/2026 tôi có cho vợ chồng ông Trịnh Thanh B, bà Lê Thị Ngọc D vay số tiền 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 29/5/2026 sẽ trả. Tuy nhiên, nay đã quá hạn trả nợ như ông B, bà D không trả số tiền đã vay cho tôi. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Ngọc D, ông Trịnh Thanh B phải trả cho tôi số tiền 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng) và lãi suất 10%/năm kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, từ

ngày 30/5/2026 đến nay là 43.750.000 đồng. Tổng cộng buộc bà D, ông B trả cho tôi số tiền 3.543.750.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc D trình bày:

Vào ngày 28/5/2026, vợ chồng tôi có vay của bà Phạm Thị Thanh H số tiền 3.500.000.000 đồng, mục đích vay để trả vào khoản vay của ngân hàng, thời hạn vay đến ngày 29/5/2026. Tuy nhiên, nay đã quá hạn trả nợ nhưng vợ chồng tôi chưa trả được cho bà H số nợ trên. Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số nợ 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng) và lãi suất 10%/năm kể từ ngày vi phạm, thì tôi đồng ý trả cho bà H.

Bị đơn ông Trịnh Thanh B trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì ý kiến của tôi như sau:

Tôi và bà Lê Thị Ngọc D là vợ chồng. Tôi đã nhận được bản Kết luận giám định số 1255/KL - KTHS ngày 22/6/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk do Tòa án giao, tôi không có ý kiến gì. Tôi thừa nhận chữ ký trong giấy ngày 28/5/2026 là của tôi. Tuy nhiên, tôi không biết và không nhớ khi ký giấy này tôi có bị ép buộc hoặc có tỉnh táo hay không vì thời điểm này không có ai làm chứng. Theo giấy bà H cung cấp ghi vợ chồng tôi có mượn bà H số tiền 3.500.000.000 đồng, tuy nhiên tôi không nhận được số tiền vay này, còn bà D có nhận tiền hay không thì tôi không biết.

Do đó, tôi không đồng ý trả nợ cho bà H, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Ngọc D và ông Trịnh Thanh B phải trả cho bà Phạm Thị Thanh H số tiền nợ gốc là 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng) và lãi suất 10%/năm kể từ ngày đến hạn trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện bị đơn cư trú tại xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng) và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 30/5/2026 đến nay. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền ngày 28/5/2026.

Bị đơn bà D thừa nhận vào ngày 28/5/2026, vợ chồng bà D có vay của nguyên đơn bà H số tiền 3.500.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 29/5/2026. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng bà D chưa trả số nợ trên cho bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà D trả số nợ 3.500.000.000đ và lãi suất 10%/năm kể từ ngày vi phạm, thì bà D đồng ý trả cho bà H. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông B cho rằng ông B thừa nhận chữ ký trong giấy ngày 28/5/2026 là của ông B. Ông B không biết và không nhớ khi ký giấy này ông B có bị ép buộc hay không. Ông B không nhận được số tiền vay này. Tuy nhiên, lời khai của bà B không được bà H thừa nhận. Tại biên bản lấy lời khai của ông B và tại phiên tòa hôm nay, ông thừa nhận ông là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Ngày 28/5/2026, khi ký giấy này ông B đang đi với vợ bà là D, bà D nói ông ký giấy nên ông đồng ý ký. Như vậy, ông B phải biết được mục đích ký giấy này để làm gì. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk giám định chữ ký, chữ viết của ông Trịnh Thanh B trong giấy mượn tiền. Tại Kết luận giám định số: 1255/KL-KTHS ngày 22/6/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: *Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Trịnh Thanh B phía dưới chữ "Chồng" trên giấy mượn tiền đề ngày mượn là 28/5/2026 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trịnh Thanh B trên các tài liệu mẫu so sánh,* ***là***

do cùng một người viết ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng bà D, ông B có vay tiền của bà H, nên cần buộc vợ chồng bà D, ông B phải trả số tiền 3.500.000.000 đồng cho bà H.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*.

Về lãi suất: Theo giấy mượn tiền hai bên không thoả thuận lãi suất. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 30/5/2026 đến ngày xét xử, mức lãi suất này là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi suất.

Về chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông B phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Tiền chi phí giám định hết 4.850.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp, nên cần buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn là phù hợp.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị Ngọc D, ông Trịnh Thanh B phải chịu 102.875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét thấy, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh H.

Buộc bà Lê Thị Ngọc D, ông Trịnh Thanh B có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Thanh H số tiền là 3.543.750.000đ (ba tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó: tiền gốc là 3.500.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 43.750.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Bị đơn ông Trịnh Thanh B phải trả cho bà Phạm Thị Thanh H số tiền 4.850.000đ (bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

3. Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị Ngọc D, ông Trịnh Thanh B phải chịu 102.875.000đ (một trăm lẻ hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh H số tiền 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006256 ngày 02/6/2026 tại Thi hành án tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Huyền Trang